

với Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt thì thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 21. Việc tổ chức thu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định như sau:

1. Cơ quan Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan có trách nhiệm phối hợp trong việc quản lý thu thuế tiêu thụ đặc biệt trong phạm vi cả nước.

Bộ Tài chính quy định cụ thể việc tổ chức thu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều này.

Điều 22. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

BỘ CÔNG AN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công an số **940/2003/QĐ-BCA (A11)** ngày **28/11/2003** về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 37/1998/NĐ-CP ngày 09/6/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Chủ trương chính sách mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành

Tài chính chưa công bố. Chiến lược quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển ngành kinh tế, kỹ thuật thuộc ngành Tài chính chưa công bố;

2. Thông tin tổng hợp về kiểm kê tài sản, đánh giá tài sản cố định của các ngành, địa phương. Các thông tin về vốn và tài sản của các doanh nghiệp nhà nước chưa công bố;

3. Tài liệu, số liệu về vay và trả nợ nước ngoài, viện trợ cho nước ngoài chưa công bố;

4. Thông tin trao đổi về đối tượng nộp thuế giữa các nhà chức trách có thẩm quyền theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước;

5. Hệ thống mạng lưới kho dự trữ quốc gia và kế hoạch bảo vệ;

6. Tình hình thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia và những số liệu liên quan đến việc đánh giá số lượng, chất lượng giá trị vật tư, hàng hóa dự trữ quốc gia hàng năm;

7. Kế hoạch hàng năm về dự trữ quốc gia, số liệu vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho và số liệu quyết toán vốn, phí hàng năm. Tài liệu kiểm tra, thanh tra dự trữ quốc gia ở các Bộ, ngành;

8. Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết nghề nghiệp quan trọng trong việc bảo quản vật tư, hàng hóa dự trữ quốc gia chưa công bố;

9. Các báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ về định hướng điều hành giá cả

hàng hóa, dịch vụ quan trọng trong từng thời kỳ chưa công bố;

10. Các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về giá chưa công bố;

11. Dự án nghiên cứu quy hoạch phát triển dài hạn thuộc lĩnh vực hải quan trình Chính phủ. Số liệu và kết quả điều tra, khảo sát, nghiên cứu khoa học, các bí quyết nghề nghiệp và giải pháp hữu ích trong lĩnh vực Hải quan chưa công bố hoặc không công bố. Tài liệu về trang bị vũ khí, phương tiện kỹ thuật, khí tài nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Hải quan chưa công bố hoặc không công bố;

12. Kho dữ liệu thống kê nhà nước về Hải quan chưa công bố; hồ sơ các vụ việc nghiệp vụ hải quan đang trong quá trình giải quyết;

13. Tài liệu về thiết kế, hệ thống kỹ thuật mạng thông tin máy tính; quy định, quy ước, mật khẩu truy nhập mạng thông tin máy tính và mạng máy tính có dữ liệu nghiệp vụ chuyên môn, nội bộ ngành Tài chính;

Tài liệu về sơ đồ mạng truyền tin; tần số và quy ước liên lạc của lực lượng hải quan;

14. Kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại của Tổng cục Hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu và các Cục Hải quan địa phương. Phương án đấu tranh trọng điểm, danh sách các đối tượng trọng điểm;

15. Thông tin do bên thứ ba cung cấp cho cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài chính về đối tượng nộp thuế;

16. Chương trình, kế hoạch, nội dung, đối tượng thanh tra; các liệu, số liệu phục vụ cho công tác thanh tra, báo cáo kết luận thanh tra thuộc ngành Tài chính chưa công bố;

17. Tin, tài liệu về thẩm tra, xác minh đơn, thư tố cáo, khiếu nại nội bộ ngành Tài chính chưa công bố;

18. Tài liệu về quy hoạch cán bộ, hồ sơ cán bộ chủ chốt (cấp Vụ, Cục và tương đương đương trở lên) của ngành Tài chính; tài liệu, văn bản ghi ý kiến nhận xét, đánh giá của các cấp quản lý đang trong quá trình triển khai công tác cán bộ (về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Cơ quan chức năng của Bộ Tài chính và Bộ Công an có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan trực thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công an

LÊ HỒNG ANH

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 207/2003/QĐ-BCN ngày 03/12/2003 về việc chuyển Công ty Pin Hà Nội thành Công ty cổ phần Pin Hà Nội.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (Công văn số 1248/CV-HĐQT ngày 02 tháng 12 năm 2003), Phương án cổ phần hóa Công ty Pin Hà Nội và Biên bản thẩm định Phương án của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ ngày 03 tháng 12 năm 2003;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần